

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2026/DS-PT

Ngày 04 - 02 - 2026

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; tranh
chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu bồi
thường trong hoạt động công chứng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 733/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm
2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô
hiệu; tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu bồi thường trong hoạt động công
chứng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025
của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 816/2025/QĐ-PT ngày
25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/01/1980; cư trú số 266, ấp T, xã T,
tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/01/1981; cư trú ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh
Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Nhật Long H, sinh năm
1978; cư trú số 137C, H, phường B, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày
15/3/2023 (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Mỹ L1, sinh năm 1964; cư trú số 51, khu phố T, xã T, tỉnh
Vĩnh Long (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Lệ H1, sinh năm 1962 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1958 (vắng mặt);
Cùng cư trú số 266A, khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1962 (có mặt);
4. Anh Trương Hoàng V, sinh năm 1988;
Cùng cư trú số B, khu phố T, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V:

- Anh Lê Nhật H2, sinh năm 1992 (có mặt);
- Chị Lê Nhật H2; sinh năm 1998 (có mặt);

Cùng địa chỉ số C, đường Đ, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; cư trú số 51, khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

6. Bà Trần Kim H3, sinh năm 1967; cư trú số 271A, khu phố T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

7. Văn phòng C do ông Nguyễn Văn M - Trưởng văn phòng làm đại diện; địa chỉ số A, ấp C, xã M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2023, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 12/4/2024 của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Văn E có quyền sử dụng thửa đất số 70, diện tích 150,1m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện C, Bến Tre. Năm 2014 ông E tặng cho anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị L thửa đất trên, ngày 09/12/2014 anh T và chị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ).

Sau đó anh T phát hiện bị mất sổ đỏ nên đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre để xin trích sao thửa đất thì được trả lời ngày 06/3/2023 anh T và chị L đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 70 cho bà Trần Thị Lệ H1, ngày 30/6/2021 bà Trần Thị Lệ H1 ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Trần Mỹ L1, bà L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2021. Hiện tại anh Trương Hoàng V là người đang đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 70.

Anh T và chị L xác định không có chuyển nhượng thửa đất trên cho bất kỳ, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T, chị L với bà Trần Thị Lệ H1 đối với thửa đất số 70, diện tích 150,1m², tọa lạc xã T, được Văn phòng C công chứng ngày 04/6/2021 là vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Lệ H1 với bà Trần Mỹ L1 đối với thửa đất số 70, diện tích 150,1m², tọa lạc xã T, được Văn phòng C công chứng ngày 30/6/2021 là vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Đ với anh Trương Hoàng V đối với thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4, diện tích 150,1m², tọa lạc xã T, ngày 22/4/2023 tại Văn phòng C ngày 22/4/2023 là vô hiệu.

- Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 70 tờ bản đồ số 4, diện tích 150,1m², tọa lạc xã T từ anh Trương Hoàng V sang cho anh T và chị L đứng tên theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn bà Trần Mỹ L1 trình bày:*

Bà với bà Trần Thị Lệ H1, bà Trần Kim H3 là chị em ruột. Thửa đất mà anh T, chị L khởi kiện có nguồn gốc là của vợ chồng ông Nguyễn Văn E và bà Trần Thị Lệ H1 đã tặng cho con là anh T và chị L. Vì nợ xấu ở Ngân hàng nên bà H1 mới nhờ bà đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, rồi nhờ bà ký tên vay nợ của bà T1, anh V và Ngân hàng TMCP Q, bà chỉ đứng tên vay và thế chấp QSDĐ còn việc nhận tiền và trả lãi do bà H1 thực hiện.

Nay anh T, chị L khởi kiện bà không có ý kiến. Đối với yêu cầu của bà T1, anh V yêu cầu bà liên đới trả nợ bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lệ H1 trình bày:*

Do không có tài sản thế chấp để vay tiền, nên bà tự ý nhờ người làm thủ tục sang tên thửa đất số 70 của anh T, chị L cho bà đứng tên (không có sự đồng ý của anh T và chị L). Sau khi được đứng tên thửa đất số 70 bà vẫn không vay tiền được vì nợ xấu ở ngân hàng nên bà nhờ bà Trần Mỹ L1 (là em ruột) đứng tên thửa đất trên, rồi nhờ bà L1 cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ thế chấp vay số tiền 420 triệu đồng ở Ngân hàng TMCP Q, bà là người nhận tiền vay ở ngân hàng.

Bà Trần Kim H3 là em của bà cũng đã vay tiền của anh V, bà T1 nhiều lần nên vốn và lãi lên đến 400 triệu đồng. Do anh V và bà T1 sợ bà H3 không có khả năng trả nợ, nên kêu bà và bà L1 ký tên thế chấp thửa đất của anh T cho anh V, nên anh V đưa tiền cho bà chuộc số đỏ từ ngân hàng, rồi cộng tiền vay, tiền hui, tiền lãi, tiền trả ngân hàng của bà và bà H3 làm chung giấy nhận nợ là 930 triệu đồng. Bà đồng ý nên cùng bà L1, ông Đ làm thủ tục lấy sổ đỏ rồi sang tên qua cho ông V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua yêu cầu khởi kiện của anh T, chị L bà đồng ý. Đối với yêu cầu của anh V và bà T1 thì đồng ý cùng bà H3 trả vốn vay 930 triệu đồng, còn tiền lãi xin không trả.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim H3 trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của bà Trần Lệ H1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt nên không có lời khai.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Hoàng V và bà Lê Thị T1 trình bày:*

Ngày 30/10/2022, bà T1 và anh V có cho vợ chồng bà Trần Mỹ L1 và ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Để đảm bảo cho việc vay tiền bà L1 đã thế chấp QSDĐ thửa số 70 do bà L1 đứng tên ngày 12/7/2021, có sự chứng kiến của bà Trần Thị Lệ H1 và bà Trần Kim H3. Sau khi vay tiền thì bà L1 có trả lãi được 3 tháng, mỗi ngày trả 400.000 đồng, đến ngày 25/12/2022 thì không trả lãi nữa.

Do thửa đất trên bà L1 đã thế chấp vay tiền ở Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh B, nên bà T1 và anh V đến Ngân hàng trả số tiền là 410.700.000 đồng để lấy sổ đỏ ra. Sau đó cộng các khoản nợ gồm: Tiền vay trước 400.000.000 đồng, tiền trả Ngân hàng 410.700.000 đồng, tiền vay sau 12.000.000 đồng, tiền lãi, tiền hui tổng cộng là 930.000.000 đồng và vợ chồng bà L1 và ông Đ làm thủ tục chuyển tên QSDĐ cho anh V đứng tên. Nay anh V, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn E cùng Văn phòng C phải liên đới trả cho anh V, bà T1 tổng số tiền là 930.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 22/4/2023 là 1.146.132.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M trình bày:*

Công chứng viên Nguyễn Văn P có chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T, chị L với bà Trần Thị Lệ H1. Do người yêu cầu công chứng đã ký tên tại Công ty S, rồi mang hợp đồng đến Văn phòng Công chứng ký tên, đóng dấu. Đây là giao dịch trong gia đình giữa mẹ và con nên Công chứng viên chủ quan thực hiện việc công chứng dẫn đến có sự giả mạo chữ ký của anh T và chị L. Việc giả mạo chữ ký để che giấu một giao dịch dân sự khác, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo quy định, Văn phòng Công chứng không đồng ý liên đới trả nợ cho anh V, bà T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị L về việc tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị L với bà Trần Thị Lệ H1 đối với thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M công chứng vào ngày 04/06/2021 là vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Lệ H1 với bà Trần Mỹ L1 đối với thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn M công chứng vào ngày 30/6/2021 là vô hiệu.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Đ với anh Trương Hoàng V đối với thửa đất số 70 tờ bản đồ số 4, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) do Văn phòng C công chứng vào ngày 22/4/2023 là vô hiệu.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy CNQSDĐ số DL 082130 mang tên anh Trương Hoàng V đối với thửa đất

số 70 tờ bản đồ số 4 tọa lạc xã T, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 06/06/2023 để thực hiện thủ tục cấp lại cho anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị L theo quy định của Luật đất đai.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, anh Trương Hoàng V về việc yêu cầu bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ, Văn phòng C phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 410.700.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2025, cụ thể như sau:

Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ, Văn phòng C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T1, anh Trương Hoàng V tổng số tiền là 610.780.287 đồng, trong đó: Tiền vốn 410.700.000 đồng, tiền lãi 200.080.287 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, anh Trương Hoàng V về việc yêu cầu bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn vay, lãi phát sinh từ ngày 23/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2025.

Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T1, anh Trương Hoàng V với tổng số là 771.433.000 đồng, trong đó: Tiền vốn vay 519.300.000 đồng, tiền lãi 252.133.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2025 Văn phòng C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V buộc Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M phải liên đới trả nợ.

Ngày 27/10/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị một phần bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V cho rằng từ việc Văn phòng C chuyển QSDĐ không đúng nên Văn phòng Công chứng phải có trách nhiệm liên đới bồi thường như án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng C.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Trần Thị Lệ H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng, lẽ ra phải xác định bị đơn, nhưng sai sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H1 đề nghị rút kinh nghiệm.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Văn phòng C trả nợ là không đúng, vì hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà L1, ông Đ với anh V là giả tạo nhằm che giấu hợp

đồng vay tiền nên không có thiệt hại xảy ra; đối với việc trả lãi xét thấy các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, nay không tranh chấp hay ý kiến gì, Viện kiểm sát rút lại phần kháng nghị này, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc Văn phòng C liên đới trả nợ cho anh V và bà T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Văn phòng C và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long còn trong hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 4, diện tích 150,1m², tọa lạc tại xã T, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của vợ chồng ông Nguyễn Văn E và bà Trần Thị Lệ H1. Sau đó ông E làm thủ tục tặng cho con là anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị L, ngày 09/12/2014 anh T và chị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thiếu nợ cần có đất để thế chấp vay tiền nên bà H1 đã nhờ người khác giả mạo chữ ký của anh T và chị L lập hợp đồng chuyển QSD đất sang tên bà H1 (được Văn phòng C công chứng ngày 30/6/2021), sau đó bà H1 tiếp tục lập hợp đồng chuyển QSD đất sang tên cho bà Trần Mỹ L1 (được Văn phòng C công chứng ngày 30/6/2021). Do thiếu nợ bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V số tiền 930.000.000 đồng; và theo yêu cầu của bà T1 và anh V, ngày 22/4/2023 bà Trần Mỹ L1 và ông Nguyễn Văn Đ lập hợp đồng chuyển QSD đất sang tên cho anh Trương Hoàng V, có công chứng của Văn phòng C. Mặc dù thửa đất số 70 nêu trên đã được chuyển quyền sử dụng qua nhiều người nhưng đất vẫn do anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng.

[3] Xét kháng cáo của Văn phòng C và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc không buộc Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Anh Trương Hoàng V thừa nhận việc các bên ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 22/4/2023 là để che giấu số tiền nợ 930.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp đồng vô hiệu là có căn cứ.

[5] Văn phòng C khi công chứng giao dịch chuyển QSDĐ giữa anh T, chị L với bà H1 không kiểm tra tính xác thực của các bên tham gia giao dịch, từ đó công chứng sai ý chí của người có quyền. Tuy nhiên, do giao dịch chuyển QSDĐ là giả tạo, việc công chứng chưa gây thiệt hại, Văn phòng C không phải là bên vay nợ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc Văn phòng C liên đới cùng với bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V số tiền là 610.780.287 đồng là không đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của Văn phòng C và kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Văn phòng C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1, anh Trương Hoàng V về việc yêu cầu bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ và Văn phòng C phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 410.700.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2025.

Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị T1 và anh Trương Hoàng V tổng số tiền là 610.780.287 đồng, trong đó: Tiền vốn 410.700.000 đồng, tiền lãi 200.080.287 đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ và Văn phòng C phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng 2.211.000 đồng (hai triệu hai trăm mười một nghìn đồng) cho bà Lê Thị T1 và Trương Hoàng V.

Nay sửa án như sau: Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn E, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng 2.211.000 đồng (hai triệu hai trăm mười một nghìn đồng) cho bà Lê Thị T1 và Trương Hoàng V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn E cùng Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí số tiền 28.431.200 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng).

Nay sửa án như sau: Buộc bà Trần Mỹ L1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị Lệ H1, ông Nguyễn Văn E phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí số tiền 28.431.200 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi một nghìn hai trăm đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Văn phòng C không phải chịu. Hoàn trả cho Văn phòng C số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005299 ngày 13/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Vĩnh Long.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 - Vĩnh Long;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Lực